

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 01/02/2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

* **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên**

Ông **Đỗ Văn Sơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liên** - Thư ký tòa án

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên
tòa: Bà **Phạm Thị Châm** - Kiểm sát viên

Từ ngày 31 tháng 01 đến ngày 01 tháng 2 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân
dân thành phố Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ
lý số 05/2023/DS-TLST ngày 16/10/2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua
bán tài sản*” giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn: Công ty TNHH N**

Địa chỉ: Đường B, phường V, thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Bích Hồng** – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Đoàn Thị Hải Linh** – Trưởng phòng hành chính

Có mặt

* **Bị đơn: Ông Bùi Văn C**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 5 khu 12 phường M, thành phố C, Quảng Ninh

Có mặt

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H**

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn, bà Đoàn Thị Hải Linh trình bày:**

Ngày 7/3/2023, Công ty TNHH N có ký Hợp đồng mua bán xe ô tô số
028/03/2023/NN099. Theo đó, ông C mua chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Nissan, số
loại Almera VL, màu đỏ, chất lượng mới 100%, nhập khẩu nguyên chiếc từ Thái
Lan, năm sản xuất 2022 với đơn giá 520.000.000 đồng.

Ngày 9/3/2023, ông C chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng để đặt cọc
hợp đồng mua xe.

Ngày 22/3/2023, Công ty TNHH N xuất hóa đơn và bộ hồ sơ xe để nhân
viên Nguyễn Văn H tiến hành thủ tục đăng ký, đăng kiểm xe cho ông Bùi Văn C
theo yêu cầu của ông C. Ông C có chuyển cho ông H 91.000.000 đồng để nộp phí

chức bạ, đăng kiểm, làm biển...hoàn thiện các thủ tục để chiếc xe đứng tên sở hữu là ông Bùi Văn C.

Ông Bùi Văn C có đề xuất với Công ty TNHH N để được trả chậm số tiền còn lại của chiếc xe và xin được mang xe về sử dụng. Tuy nhiên đại diện Công ty không đồng ý.

Ngày 27/6/2023, Công ty TNHH N có công văn đề nghị ông C thanh toán toàn bộ tiền xe còn thiếu hoặc hỗ trợ việc bán lại chiếc xe để giải quyết dứt điểm vụ việc.

Ngày 3/7/2023, ông Bùi Văn C có văn bản trả lời gửi Công ty với quan điểm không đồng ý với phương án mà phía Công ty đưa ra. Đồng thời yêu cầu phía Công ty giải thích về số tiền còn thiếu và đề xuất công ty cho trả góp số tiền còn lại, tạo điều kiện cho ông C được lấy xe về để sử dụng nhưng Công ty không đồng ý.

Ngày 5/7/2023, Công ty TNHH N gửi công văn trả lời cho ông C. Trong văn bản này, Công ty tiếp tục đề nghị ông C thực hiện theo đúng hợp đồng là thanh toán toàn bộ tiền xe hoặc hỗ trợ việc bán lại chiếc xe. Nhưng ông C không đồng ý, cũng không có thiện chí hợp tác tìm phương án để giải quyết dứt điểm vụ việc.

Vì vậy, Công ty TNHH N khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết buộc ông Bùi Văn C phải thanh toán hết số tiền còn lại theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán xe ô tô là **510.000.000** đồng cho Công ty. Công ty không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn, ông Bùi Văn C trình bày:*

Ông lướt mạng xã hội Facebook, thấy có người tên Nguyễn Văn H đăng bài giới thiệu hỗ trợ mua xe của Công ty TNHH N. Ông đã nhắn tin riêng cho trang Facebook “Nguyễn Văn H” để lấy số điện thoại và kết bạn Zalo với H. Qua mạng xã hội Zalo, ông H đã tư vấn cho ông về loại xe, giá bán xe cũng như thủ tục mua xe trả góp cho ông. Ngay từ đầu, ông đã thỏa thuận với ông H về việc trường hợp ông H hỗ trợ ông làm thủ tục vay được tiền ngân hàng để ông mua xe thì ông mới mua. Ông và ông H đã thống nhất việc ông mua xe Nissan Almera bản tiêu chuẩn. Đến ngày 7/3/2023, ông đến trụ sở Công ty TNHH N tại Bắc Ninh ký hợp đồng mua bán xe. Sau đó ông trở về Quảng Ninh và thay đổi quan điểm muốn mua sang Nissan Almera bản VL và được ông H báo lại là có thể thay đổi. Đến ngày 9/3/2023, do đã có cam kết thanh toán của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) nên ông yên tâm về việc được cho vay tiền mua xe trả góp và đã chuyển vào tài khoản của Công ty Nissan số tiền 10.000.000 đồng đặt cọc. Sau đó, ông H giục ông chuyển tiếp số tiền mua xe để ông H làm các thủ tục giúp ông đăng ký, ra biển số và vay vốn Ngân hàng. Vì vậy, ông đã chuyển khoản nhiều lần với tổng số tiền là 91.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông H. Khi ông chuyển tiền xong thì ông H mang xe ô tô Nissan Almera bản VL xuống Quảng Ninh làm thủ tục đăng ký và đăng kiểm. Ngày 26/3/2023 thì làm

xong đăng ký, đăng kiểm. Ông đã được đứng tên sở hữu và hiện đang giữ Giấy chứng nhận đăng ký và đăng kiểm bản gốc. Ông H đã giúp ông hoàn tất hồ sơ vay vốn và gửi đề nghị giải ngân cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam để giải ngân số tiền còn lại. Nhưng sau đó, ông được ông H và nhân viên VIB thanh báo VIB không đồng ý giải ngân. Ông chỉ được nghe thanh báo chứ cũng không biết lý do tại sao mình không được Ngân hàng giải ngân khoản mua xe này.

Ông khẳng định, ngay từ đầu ông H - Nhân viên bán hàng của Công ty TNHH N nói hỗ trợ ông vay được tiền ngân hàng để ông mua xe thì ông mới đồng ý mua. Đến nay, Ngân hàng không giải ngân cho ông nên ông không có tiền để trả số tiền mua xe còn lại cho Công ty. Ông cũng không có đủ khả năng kinh tế để thanh toán toàn bộ số tiền mua xe theo hợp đồng để lấy xe về.

Với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N: Ông chỉ đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe ô tô với Công ty TNHH N khi công ty đưa ra bản hợp đồng gốc có chữ ký nháy của ông ở từng trang hợp đồng. Đối với bản hợp đồng mà Công ty TNHH N cung cấp cho tòa án, ông khẳng định chữ ký ở trang cuối cùng là của ông, còn các trang trước của hợp đồng có dấu hiệu cắt ghép làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ông đề nghị tòa án xem xét tính hợp pháp của bản bản hợp đồng này để bảo vệ quyền lợi của ông.

Nếu các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng, ông xin trả dần hàng tháng số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong thời gian 5 năm cho đến khi hết nợ.

Nếu Công ty TNHH N không đồng ý cho ông trả dần số tiền còn lại của hợp đồng mua bán xe ô tô thì Công ty phải trả lại cho ông số tiền cọc **101.000.000** đồng đã nộp.

** Tại bản tường trình ngày 14/12/2023, ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông Bùi Văn C có nhắn tin Zalo cho ông để hỏi mua một chiếc xe Nissan Almera bản VL đỏ sản xuất năm 2022 mới 100%. Ông C có hỏi các vấn đề về trả góp xe, ông đã tư vấn báo giá các dịch vụ cho ông C như yêu cầu. Ban đầu, ông C có nói là ông C đang đối tượng nợ xấu nhưng muốn vay trả góp ban đầu. Ông có trả lời ông C là nếu nợ xấu thì không vay mua xe trả góp được. Sau đó ông C lại nói với ông là ông C đã tìm hiểu một đơn vị đại lý khác, cũng bán hàng Nissan tại Hà Nội, ông C đã đặt cọc ở ngoài đó số tiền 30.000.000 đồng. Ông không biết chắc ông C có đặt cọc mua xe ở đại lý khác như lời ông C nói hay không.

Sau 4 ngày tư vấn và nói chuyện với ông C, tức là đến ngày 2/3/2023 thì ông có hỏi lại ông C là tại sao ông C đặt cọc cho bên đại lý khác rồi mà vẫn hỏi ông về vấn đề mua xe. Ông C mới nói thật với ông là lúc đầu báo số tiền ông C đóng đối ứng còn lại để mang xe về sau đã trừ tất cả các số tiền để ra được biên số và tiền ngân hàng cho vay là 120.000.000 đồng, sau lại báo lên thành 150.000.000 đồng, rồi 220.000.000 đồng nên ông C đang lẩn tránh về số tiền phải

đóng tại đại lý đó và nhắn cho ông hỏi nếu mà được thì ông C sẽ chuyển sang bên ông để mua.

Ông đã báo ông C gửi Căn cước công dân để ông check CIC trước cho khách. Khi Ngân hàng kiểm tra thì hệ thống báo CIC của ông C không có vấn đề gì. Sau khi tra CIC thấy không có vấn đề, ông đã báo ông C tự làm việc, trao đổi với bên Ngân hàng trước khi lên đặt cọc mua xe cho khách quan.

Ngày 7/3/2023, phía Ngân hàng đã gửi hình ảnh giấy cam kết cho vay với khách hàng Bùi Văn C cho ông qua Zalo. Trong ngày, ông đã gọi ông C đến Showroom làm việc. Ông và ông C đã làm việc và ông C quyết định lấy xe Nissan Almera bản VL đỏ với tổng số tiền bao gồm tất cả các loại phí để có thể ra biển số và để xe có thể lăn bánh là hơn 600.000.000 đồng. Các bên thống nhất và ký Hợp đồng mua bán số 028/02/2023/NN099 ngày 7/3/2023.

Sau khi ký hợp đồng ông mới nói ông C chuyển tiền cọc theo thỏa thuận. Đến ngày 10/3/2023, ông C mới chuyển khoản vào tài khoản của Công ty số tiền cọc là 10.000.000 đồng. Tiếp đến, ông C có chuyển khoản nhiều lần (4 lần) cho ông với tổng số tiền 91.000.000 đồng để ông tiến hành thủ tục đăng ký quyền sở hữu và tất cả các dịch vụ đi kèm để hoàn thành đăng ký, đăng kiểm xe...để xe có đủ điều kiện lăn bánh.

Ngày 23/3/2023, ông tiến hành đi đăng ký cho ông C và có ông C đi cùng. Ngày 24/3/2023, ông đi đăng ký đăng kiểm xe cho ông C tại Chi cục đăng kiểm thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Do quãng đường xa và tin tưởng khách hàng nên ông đã đưa giấy hẹn lấy đăng ký và đăng kiểm cho ông Bùi Văn C lấy hộ và dặn khi nào ngân hàng gọi ông C ký giải ngân thì ông C đưa bản gốc giấy tờ xe cho phía ngân hàng.

Ngày 28/3/2023, theo yêu cầu của phía ngân hàng, ông đã hoàn thiện hồ sơ gửi cho bên ngân hàng để ngân hàng để ngân hàng làm việc trực tiếp với ông C. Tất cả những việc ông làm đều theo yêu cầu và mong muốn của ông C.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

+ Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]. Về tố tụng:

1.1. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện, do đó Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục C.

1.2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết buộc bị đơn, ông Bùi Văn C, trú tại tổ 5 khu 12, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán xe ô tô được ký kết giữa Công ty TNHH N, có địa chỉ trụ sở tại đường Bình Than, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh. Đây là “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều 8 của Hợp đồng mua bán xe ô tô các bên thống nhất “...trong trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết theo quy định của pháp luật”. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hiệu lực của Hợp đồng:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, có đủ cơ sở để khẳng định:

Ông Bùi Văn C đã ký kết Hợp đồng mua bán xe ô tô số 028/03/2023/NN099 ngày 07/3/2023 với Công ty TNHH N. Tư vấn bán hàng: Nguyễn Văn H. Theo đó: Công ty TNHH N bán cho ông Bùi Văn C xe ô tô con: Nhãn hiệu: Nissan; Số loại: Almera bản VL; Màu xe: Đỏ; Chất lượng: Mới 100%; Nhập khẩu: Thái Lan; Năm sản xuất: 2022 với giá tiền là 520.000.000 đồng (bao gồm thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, VAT; chưa bao gồm thuế chức bạ, chi phí đăng ký, lệ phí đăng kiểm, phí bảo hiểm và các chi phí khác...).

Tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán xe, các bên thỏa thuận “Thời điểm chuyển quyền sở hữu xe” như sau: “Thời điểm xác lập quyền sở hữu chỉ được chuyển sang bên B (ông Bùi Văn C - Bên mua) sau khi bên A (Công ty TNHH N - Bên bán) nhận được đủ 100% giá trị hợp đồng. Trong thời gian Bên A chưa nhận được đủ tiền, chiếc xe trên vẫn thuộc sở hữu của bên A và do bên A toàn quyền quyết định”

Điều 3 của Hợp đồng cũng nêu rõ: Thời gian giao xe: Dự kiến giao xe tháng 3 năm 2023 ngay sau khi bên A nhận đủ thanh toán theo Điều 2 của Hợp đồng này.

Hợp đồng mua bán xe ô tô được đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH N và ông Bùi Văn C ký, có dấu tròn đỏ trên chữ ký của người có thẩm

quyền của Công ty TNHH N và đóng dấu giáp lai. Ông C thừa nhận, đối với bản hợp đồng mà Công ty TNHH N cung cấp cho tòa án thì chữ ký ở trang cuối cùng đúng là chữ ký của ông. Còn các trang trước của hợp đồng không có chữ ký nháy của ông ở từng trang và có dấu hiệu cắt ghép làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Do đó, ông chỉ đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe ô tô với Công ty TNHH N khi công ty đưa ra bản hợp đồng gốc có chữ ký nháy của ông ở từng trang hợp đồng. Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH N xác nhận, Công ty không có bản hợp đồng nào có chữ ký nháy từng trang của ông C. Vì từ trước đến nay, công ty chỉ yêu cầu khách hàng ký vào trang cuối của hợp đồng mua bán, không có trường hợp khách hàng nào ký nháy vào từng trang của hợp đồng khi mua xe ô tô của công ty. Do đó, công ty không có bản hợp đồng nào có đầy đủ chữ ký nháy của ông Bùi Văn C trên các trang hợp đồng như ông C nói.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc ông Bùi Văn C đứng tên sở hữu chiếc xe ô tô con: Nhãn hiệu: Nissan; Số loại: Almera bản VL; Màu xe: Đỏ; Chất lượng: Mới 100%; Nhập khẩu: Thái Lan; Năm sản xuất: 2022 hoàn toàn trùng khớp với đối tượng giao dịch chính của hợp đồng. Ông C cũng khẳng định, ông đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu chiếc xe trên và đứng tên trên toàn bộ giấy tờ về đăng kiểm, bảo hiểm dân sự...

Như vậy, giao dịch mua bán tài sản giữa ông C và Công ty TNHH N đã hoàn thành, ông C đã được “Xác lập quyền sở hữu theo hợp đồng” đúng theo quy định tại Điều 223 Bộ luật dân sự. Vì tin tưởng ông C, Công ty TNHH N cũng đã để ông đứng tên đăng ký sở hữu khi chưa đáp ứng được thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng khi mới chỉ thanh toán trước cho Công ty 101.000.000 đồng là việc làm rất thiện chí của Công ty, đảm bảo tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của ông C khi tham gia giao dịch dân sự. Nên việc ông cho rằng có dấu hiệu cắt ghép của Hợp đồng mua bán xe làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông là không có cơ sở.

Đối với việc ông Bùi Văn C cho rằng vì Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam không giải ngân nên ông không có tiền thanh toán cho Công ty là lỗi của ông Nguyễn Văn H và cán bộ tín dụng Ngân hàng, không phải lỗi của ông C. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại văn bản số 198994.23 ngày 29/11/2023, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Long biên có văn bản gửi cho Tòa án xác nhận về lý do không cho ông C vay tiền như sau “*Ông Bùi Văn C đang có dư nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) tại nhiều tổ chức tín dụng là không đáp ứng điều kiện vay vốn theo quy định của Ngân hàng nhà nước nói C và quy định của VIB nói riêng*” và cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ đính kèm. Như vậy, việc Ngân hàng từ chối cấp tín dụng cho ông C là lỗi hoàn toàn do ông Bùi Văn C khi ông cố tình giấu tình trạng thật của mình. Nên việc ông C cho rằng do ông Nguyễn Văn H và cán bộ tín dụng Ngân hàng không thanh báo cho ông biết ông

không được Ngân hàng giải ngân nên ông không biết, vì vậy ông mới đồng ý mua xe là không có cơ sở. Bên cạnh đó, việc ông Bùi Văn C đã được đứng tên sở hữu chiếc xe ô tô trên nhưng không thanh toán số tiền còn lại cho Công ty TNHH N là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự.

Do đó, Công ty TNHH N yêu cầu ông Bùi Văn C phải thanh toán hết số tiền còn lại của Hợp đồng mua bán xe ô tô cho Công ty là có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều xác nhận, ông Bùi Văn C đã nộp cho Công ty TNHH N tổng số tiền **101.000.000 đồng**. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định ông C đã nộp cho Công ty TNHH N số tiền **101.000.000 đồng**.

Tuy nhiên, phía nguyên đơn xác định, trong số 101.000.000 đồng mà ông C nộp, có 10.000.000 đồng là tiền đặt cọc mua xe, số còn lại 91.000.000 đồng là tiền chi phí để Công ty tiến hành thủ tục đăng ký và tất cả các dịch vụ đi kèm để hoàn thành đăng ký sở hữu, đăng kiểm, mua bảo hiểm và chi phí khác....

Trong khi đó, bị đơn, ông Bùi Văn C lại cho rằng số tiền 101.000.000 đồng này là tiền đặt cọc xe và đề nghị tòa án xem xét làm rõ.

Hội đồng xét xử xét:

Theo thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng mua bán xe ô tô số 028/03/2023/NN099 ngày 07/3/2023 thì: Giá tiền là 520.000.000 đồng (bao gồm thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, VAT; chưa bao gồm thuế trước bạ, chi phí đăng ký, lệ phí đăng kiểm, phí bảo hiểm và các chi phí khác...).

Như vậy, giá thành chiếc xe ông Bùi Văn C mua “*chưa bao gồm thuế trước bạ, chi phí đăng ký, lệ phí đăng kiểm, phí bảo hiểm và các chi phí khác...*”. Theo quy định tại điểm e khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng mua bán xe ô tô thì ông Bùi Văn C phải có nghĩa vụ “*Chịu toàn bộ chi phí để xe có điều kiện lưu hành*”.

Tại Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước số 1325908 ngày 23/3/2023 thể hiện: Người nộp thuế: Bùi Văn C, Địa chỉ: Tổ 5, khu 12, phường Mông Dương, Cẩm phả, Quảng Ninh: Số tiền nộp “*lệ phí trước bạ*”: 70.800.000 đồng

Ngoài ra, ông Bùi Văn C đã được mua thiệt hại vật chất thân xe ô tô: 6.727.503 đồng (chứng từ VAT số 957 ngày 22/3/2023); nộp phí đăng ký kiểm định: 90.000 đồng (Theo Thanh báo về việc phát hành hóa đơn điện tử ngày 24/3/2023 của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 14-06D); bảo hiểm trách nhiệm dân sự: 480.000 đồng. Tất cả các chứng từ này đều đứng tên ông Bùi Văn C.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông Nguyễn Văn H khẳng định, việc đóng tiền là do ông H đứng ra đóng thay cho ông C, mỗi lần đóng đều có sự đồng ý của ông C và khi đóng xong ông đều gửi kết quả cho ông C biết, kể cả các khoản chi phí phụ như: Cơ chế làm biển: 2.000.000 đồng;

Khám đăng kiểm: 1.500.000 đồng; Đồ xăng phí cầu đường: 1.000.000 đồng; Cầu xe đi đăng ký: 4.500.000 đồng; Cơ chế thuế, cà số gắn biển: 1.000.000 đồng; Phí dịch vụ: 3.000.000 đồng.

Do đó, có đủ căn cứ và cơ sở để Hội đồng xét xử xác định trong số tiền **101.000.000** đồng ông Bùi Văn C đã nộp cho Công ty TNHH N có 10.000.000 đồng tiền đặt cọc; 91.000.000 đồng là chi phí để xe có điều kiện lưu hành/lăn bánh. Theo thỏa thuận tại điểm e khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng mua bán xe ô tô, ông C phải chịu toàn bộ chi phí này.

Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Bùi Văn C phải thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền giá trị còn lại của chiếc xe ô tô là **510.000.000** đồng.

Do Công ty TNHH N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về án phí:

Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là:

20.000.000 đồng + 4% x (510.000.000 đồng - 400.000.000 đồng) = **24.400.000** đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 117, 223, 401, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" đối với ông Bùi Văn C.

Buộc ông Bùi Văn C phải thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền **510.000.000** đồng (*Năm trăm mười triệu đồng*).

2. Về án phí :

Bị đơn ông Bùi Văn C phải nộp **24.400.000** đồng (*Hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn lại cho Công ty TNHH N số tiền **12.200.000** đồng (*Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000347 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh

3. Quy định:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi

hành án phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

* Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bắc Ninh
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Dương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Lệ